

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TC
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2025/HNGĐ- ST

Ngày: 14-4-2025

V/v: Ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Mai Xiêng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lý Thị Vinh

2. Ông Phạm Ngọc Thiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Trí Danh- Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2024/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2025; quyết định hoãn phiên tòa số: 74/2025/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025; quyết định hoãn phiên tòa số: 78/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Lò Thị T**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Bản T, xã C, huyện TC, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: **Anh Lò Văn L**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Bản T, xã C, huyện TC, tỉnh Sơn La.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn L kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 01/8/2017 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện không bị ép buộc. Quá trình chung sống hòa thuận hạnh phúc năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Lợi nghiện ma túy, mới đi chấp hành án về dẫn đến bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Lò Thị T và anh Lò Văn L đã sống ly thân. Chị Lò Thị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị ly hôn với anh Lò Văn L.

Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn L có 02 (hai) con chung là cháu Lò Thị Q, sinh ngày 11/6/2014 và cháu Lò Thị L, sinh ngày 30/5/2017.

Hiện tại cháu Lò Thị Q và cháu Lò Thị L đang ở với chị Tính. Chị Lò Thị T có nơi cư trú ổn định. Chị Lò Thị T trồng trọt, chăn nuôi, buôn bán thêm, có thu nhập. Chị Tính có đủ điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc con.

Chị Lò Thị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lò Thị Q và cháu Lò Thị L.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị T không yêu cầu anh Lò Văn L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lò Thị T cam đoan không có nợ chung.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 10/01/2025, ngoài những tài liệu, chứng cứ do chị Tính đã giao nộp, chị Tính không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng khác.

Tại biên bản xác minh ngày 25/12/2024 tại Bản T, xã C, huyện TC, tỉnh Sơn La, chị Lò Thị T và anh Lò Văn L có hộ khẩu thường trú tại Bản T, xã C, huyện TC, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện TC, tỉnh Sơn La. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn không nắm rõ. Hiện tại chị Tính và anh Lợi đã sống ly thân. Chị Lò Thị T và anh Lò Văn L có 02 (hai) con chung là Lò Thị Q, sinh ngày 11/6/2014 và cháu Lò Thị L, sinh ngày 30/5/2017 đang ở với chị Tính. Tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Không nắm được.

Tại biên bản ghi ý kiến, cháu Lò Thị Q và cháu Lò Thị L đều có nguyện vọng là ở với mẹ.

Chị Lò Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Chị Tính giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến trong bản tự khai.

Bị đơn anh Lò Văn L đã được triệu tập hợp lệ, giao thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả về

phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, các Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhân dân huyện TC. Anh Lò Văn L không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, không viết bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, không tham gia phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị T được ly hôn anh Lò Văn L.

Về con chung: Giao cháu Lò Thị Q, sinh ngày 11/6/2014 và cháu Lò Thị L, sinh ngày 30/5/2017 cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lò Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung (chị Lò Thị T không yêu cầu).

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị Lò Thị T, anh Lò Văn L không có nợ chung.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Lò Thị T theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lò Thị T yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn anh Lò Văn L có địa chỉ tại Bản T, xã C, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn chị Lò Thị T, bị đơn anh Lò Văn L: Nguyên đơn chị Lò Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn anh Lò Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ ba vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn L kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 01/8/2017 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện TC, tỉnh Sơn La, kết hôn tự nguyện, sau khi kết hôn đến năm 2022 có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, hôn nhân gia đình trở nên bế tắc, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Lò Thị T và anh Lò Văn L đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Chị Lò Thị T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh Lò Văn L.

Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai, biên bản xác minh tại chính quyền địa phương.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Tính và anh Lợi lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xử cho chị Lò Thị T được ly hôn anh Lò Văn L. Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn L có 02 (hai) con chung là cháu Lò Thị Q, sinh ngày 11/6/2014 và cháu Lò Thị L, sinh ngày 30/5/2017. Hiện tại cháu Lò Thị Q và cháu Lò Thị L đang sống chung với chị Lò Thị T.

Chị Lò Thị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lò Thị Q và cháu Lò Thị L. Chị Lò Thị T không yêu cầu anh Lò Văn L cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Tính, anh Lợi đều có nơi cư trú rõ ràng. Chị Lò Thị T trồng trọt, chăn nuôi, làm thuê thêm, có thu nhập. Chị Tính có đủ điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc con. Hiện tại chị Tính là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lò Thị Q và cháu Lò Thị L.

Ý kiến cháu Lò Thị Q và cháu Lò Thị L đều có nguyện vọng là ở với mẹ.

Từ các căn cứ nêu trên xét thấy: Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, sự phát triển về thể chất, tâm sinh lý, cần giao cháu Lò Thị Q, sinh ngày 11/6/2014 và cháu Lò Thị L, sinh ngày 30/5/2017 cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lò Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung (chị Lò Thị T không yêu cầu cấp dưỡng).

Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về tài sản riêng: Không có.

[6] Về nợ chung: Chị Lò Thị T, anh Lò Văn L không có nợ chung.

[7] Về án phí: Chị Lò Thị T có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm, xét thấy chị Lò Thị T là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Lò Thị T

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị T được ly hôn anh Lò Văn L.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Thị Q, sinh ngày 11/6/2014 và cháu Lò Thị L, sinh ngày 30/5/2017 cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lò Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung (chị Lò Thị T không yêu cầu cấp dưỡng).

4. Về tài sản chung: Không có.

5. Về tài sản riêng: Không có.

6. Về nợ chung: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn L không có nợ chung.

7. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn chị Lò Thị T.

8. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị T, anh Lò Văn L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã Chiềng Bôm, huyện TC, tỉnh Sơn La;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lò Mai Xiêng

